

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN
170E Phan Đăng Lưu - Phường 3 Quận Phú Nhuận

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOAN
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 2570
ĐẾN 690 Ngày 25 tháng 04 năm 11.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 4 NĂM 2010

Đơn vị tính : đồng

TT	CHỈ TIÊU	MS	TM	KỲ BÁO CÁO		LŨY KẾ	
				Quý IV /2009	Quý IV /2010	2009	2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1 938 416 270 005	2 611 474 938 791	9 625 462 675 283	13 077 779 020 393
2	Các khoản giảm trừ	03		10 501 933 399	12 127 525 759	34 161 993 758	43 875 347 436
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1 927 914 336 606	2 599 347 413 032	9 591 300 681 525	13 033 903 672 957
4	Giá vốn hàng bán	11	6.3	1 824 059 791 075	2 476 599 823 187	9 199 860 068 593	12 576 839 549 835
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103 854 545 531	122 747 589 845	391 440 612 932	457 064 123 122
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	23 639 606 464	21 287 073 203	57 619 629 324	77 057 457 079
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	33 353 195 125	12 969 452 475	65 064 285 736	60 758 516 757
8	Chi phí bán hàng	23		11 635 815 590	12 744 991 857	35 701 424 763	53 602 151 439
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		37 354 545 872	68 557 768 344	124 140 261 830	164 763 299 849
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25		15 194 905 671	24 459 318 039	41 984 654 676	61 586 500 910
11	Thu nhập khác	30		41 591 505 327	38 048 124 190	217 871 040 014	247 013 262 685
12	Chi phí khác	31		2 720 751 260	4 245 516 053	4 150 582 716	22 239 263 737
13	Lợi nhuận khác	32		406 259 607	811 012 979	989 665 615	11 754 507 614
14	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên quan	40		2 314 491 653	3 434 503 074	3 160 917 101	10 484 756 123
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43 905 996 980	41 482 627 264	221 031 957 115	257 498 018 808
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60		6 934 942 322	5 729 931 276	45 738 661 952	51 392 201 722
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	61				-380 378 858	
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62		36 971 054 658	35 752 695 988	175 673 674 021	206 105 817 086
18.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	70		0	0	0	0
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty	71		36 971 054 658	35 752 695 988	175 673 674 021	206 105 817 086
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	72		616	596	2 928	3 435

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thành Đạt

Đương Dương Khai

